

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TM HỮU THU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TM HỮU THU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUU THU TM BUILD COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HUU THU TM BUILD CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 2401003971

3. Ngày thành lập: 27/11/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 240, đường Khả Lý, TDP Khả Lý Thượng, Phường Quảng Minh, Thị Xã Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0589665595

Fax:

Email: congythuuthu@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
2.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
3.	Xây dựng công trình thủy	4291
4.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
5.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
6.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
7.	Phá dỡ	4311
8.	Chuẩn bị mặt bằng (loại trừ hoạt động nổ mìn)	4312
9.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
10.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
11.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
12.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
13.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
14.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (loại trừ hoạt động đấu giá)	4511
15.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
16.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (loại trừ hoạt động đấu giá)	4513
17.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
18.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (loại trừ hoạt động đấu giá)	4530

19.	Bán mô tô, xe máy (loại trừ hoạt động đấu giá)	4541
20.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
21.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (loại trừ hoạt động đấu giá)	4543
22.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)	4610
23.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Trừ mặt hàng Nhà nước cấm	4620
24.	Bán buôn đồ uống	4633
25.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
26.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Trừ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế	4649
27.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
28.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
29.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
30.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
31.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
32.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng)	4662
33.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
34.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4669
35.	Bán buôn tổng hợp (trừ hoạt động đấu giá)	4690
36.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
37.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
38.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
39.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
40.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
41.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (loại trừ hoạt động bán lẻ dược phẩm)	4772
42.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ súng đạn, tiền vàng kim khí)	4773

43.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi.	4931
44.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô.	4932
45.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
46.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
47.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
48.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không)	5229
49.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
50.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
51.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
52.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
53.	Xuất bản phần mềm	5820
54.	Lập trình máy vi tính	6201
55.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
56.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (trừ kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ truy cập internet)	6209
57.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
58.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
59.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
60.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản (trừ tư vấn về pháp luật về bất động sản, tư vấn về tài chính bất động sản) (trừ hoạt động đấu giá)	6820
61.	Quảng cáo (trừ hoạt động quảng cáo thuốc lá)	7310
62.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
63.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
64.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490

65.	Cho thuê xe có động cơ	7710
66.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
67.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
68.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
69.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
70.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
71.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230
72.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Trừ Dịch vụ báo cáo tòa án hoặc ghi tởc ký; Dịch vụ lấy lại tài sản; Hoạt động đấu giá độc lập)	8299
73.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
74.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
75.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
76.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
77.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
78.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
79.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
80.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
81.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
82.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
83.	Thu gom rác thải độc hại	3812
84.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
85.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
86.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
87.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
88.	Xây dựng nhà không để ở	4102
89.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
90.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
91.	Xây dựng công trình điện	4221
92.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024093003344

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Song Khê 2, Xã Song Khê, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Song Khê 2, Xã Song Khê, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

8. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024093003344

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Song Khê 2, Xã Song Khê, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Song Khê 2, Xã Song Khê, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang